

Số: 70/QĐ-UBND

Bắc Ninh, ngày 07 tháng 02 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc giao điều chỉnh, bổ sung kế hoạch đầu tư công trung hạn
giai đoạn 2021-2025 nguồn ngân sách địa phương
(Đối với chủ đầu tư cấp tỉnh - lần 8)**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BẮC NINH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2019;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước năm 2015; Luật Đầu tư công năm 2024 và các văn bản hướng dẫn thực hiện;

Căn cứ Quyết định số 1500/QĐ-TTg ngày 30/11/2024 của Thủ tướng Chính phủ về việc giao dự toán ngân sách nhà nước năm 2025;

Căn cứ Nghị quyết số 13/2020/NQ-HĐND ngày 11 tháng 12 năm 2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh về việc Ban hành Quy định về nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư công nguồn ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh giai đoạn 2021 – 2025;

Căn cứ Nghị quyết số 86/NQ-HĐND ngày 08 tháng 12 năm 2021; Nghị quyết số 124/NQ-HĐND ngày 30 tháng 3 năm 2022; Nghị quyết số 134/NQ-HĐND ngày 07 tháng 7 năm 2022; Nghị quyết số 154/NQ-HĐND ngày 27 tháng 10 năm 2022; Nghị quyết số 223/NQ-HĐND ngày 05 tháng 10 năm 2023; Nghị quyết số 314/NQ-HĐND ngày 31 tháng 7 năm 2024; Nghị quyết số 327/NQ-HĐND ngày 27 tháng 9 năm 2024; Nghị quyết số 345/NQ-HĐND ngày 22 tháng 10 năm 2024; Nghị quyết số 388/NQ-HĐND ngày 17 tháng 01 năm 2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh phê duyệt, phê duyệt điều chỉnh Kế hoạch và phương án phân bổ kế hoạch đầu tư công trung hạn tỉnh Bắc Ninh giai đoạn 2021-2025;

Căn cứ Quyết định số 579/QĐ-UBND ngày 28 tháng 12 năm 2021; Quyết định số 150/QĐ-UBND ngày 30 tháng 3 năm 2022; Quyết định số 329/QĐ-UBND ngày 29 tháng 7 năm 2022; Quyết định số 409/QĐ-UBND ngày 26 tháng 9 năm 2022; Quyết định số 483/QĐ-UBND ngày 09 tháng 11 năm 2022; Quyết định số 484/QĐ-UBND ngày 19 tháng 10 năm 2023; 443/QĐ-UBND ngày 23 tháng 8 năm 2024; 602/QĐ-UBND ngày 30 tháng 10 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh

về việc giao, giao bổ sung Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 nguồn ngân sách địa phương (Đối với chủ đầu tư cấp tỉnh);

Căn cứ Quyết định số 11/2021/QĐ-UBND ngày 19 tháng 5 năm 2021; số 06/2024/QĐ-UBND ngày 28 tháng 02 năm 2024 của UBND tỉnh Bắc Ninh ban hành Quy định, sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định về quản lý đầu tư công trên địa bàn tỉnh;

Xét đề nghị của Liên Sở Kế hoạch và Đầu tư - Tài chính tại Tờ trình số 09/LS: KHĐT-TC ngày 24/01/2025.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Giao điều chỉnh, bổ sung kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 nguồn ngân sách địa phương (Đối với chủ đầu tư cấp tỉnh - lần 8) cụ thể như sau:

1. Đưa ra ngoài kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025: 01 dự án, hạn mức trung hạn 50 tỷ đồng.

(Chi tiết theo phụ lục 01).

2. Giao điều chỉnh giảm hạn mức trung hạn của các dự án: 1.349 tỷ đồng.

(Chi tiết theo phụ lục 02).

3. Giao điều chỉnh hạn mức các dự án kết nối vùng, các công trình trọng điểm quốc gia đã có trong kế hoạch trung hạn 2021-2025, chi tiết nguồn cải cách tiền lương 1.372 tỷ đồng, cụ thể:

- Bổ sung hạn mức trung hạn: 361 tỷ đồng;

- Điều chỉnh giảm nguồn trung hạn ngân sách địa phương, tăng nguồn cải cách tiền lương của các dự án kết nối vùng, các công trình trọng điểm quốc gia: 713 tỷ đồng.

- Điều chỉnh nguồn trung hạn từ thu hồi kế hoạch vốn năm 2025 nguồn ngân sách địa phương, đồng thời bổ sung nguồn cải cách tiền lương của các dự án giao thông kết nối vùng, các công trình trọng điểm quốc gia: 298 tỷ đồng.

(Chi tiết theo phụ lục 03)

3. Giao điều chỉnh tăng hạn mức trung hạn các dự án đã có trong kế hoạch đầu tư công trung hạn nhằm đẩy nhanh tiến độ: 315 tỷ đồng.

(Chi tiết theo phụ lục 04)

4. Giao cập nhật, bổ sung dự án khẩn cấp: 25 tỷ đồng

(Chi tiết theo phụ lục 05)

5. Điều chỉnh một số thông tin, số liệu của dự án trong kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025.

(Chi tiết theo phụ lục 06 đính kèm)

Điều 2. Giao các cơ quan: Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính, Kho bạc Nhà nước tỉnh theo chức năng phối hợp với đơn vị có liên quan hướng dẫn các đơn vị sử dụng vốn đầu tư công trong việc quản lý, sử dụng kế hoạch vốn đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 và hằng năm bảo đảm theo đúng quy định của Luật Đầu tư công, Luật Ngân sách nhà nước, các Nghị định, văn bản hướng dẫn của cơ quan Trung ương và quy định phân cấp của tỉnh Bắc Ninh.

Điều 3. Thủ trưởng các cơ quan: Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Kế hoạch và Đầu tư; Tài chính; Kho bạc Nhà nước tỉnh Bắc Ninh, các Chủ đầu tư và các cơ quan, đơn vị có liên quan căn cứ Quyết định thi hành. / *Ngô Tân Phụng*

Nơi nhận: *Ngô Tân Phụng*

- Như Điều 3;
- TTTU, TTHĐND tỉnh (b/c);
- Chủ tịch và các PCT UBND tỉnh;
- Ban Kinh tế Ngân sách - HĐND tỉnh;
- Lãnh đạo Văn phòng UBND tỉnh;
- Các chuyên viên VP UBND tỉnh;
- Lưu: VT, KTTH.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Ngô Tân Phụng
Ngô Tân Phụng



PHỤ LỤC 01: DANH MỤC DỰ ÁN ĐƯA RA NGOÀI KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG TRUNG HẠN GIAI ĐOẠN 2021-2025

(Kèm theo Quyết định số 70 /QĐ-UBND ngày 07 tháng 02 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Lĩnh vực/Chủ đầu tư/Tên dự án	Chủ đầu tư	Quyết định phê duyệt CTĐT		Thời gian KC-HT	Kế hoạch trung hạn 2021-2025	Đề xuất của Chủ đầu tư	Ghi chú
			Số, ngày tháng	TMBT				
	TỔNG CỘNG					50.000		
	Các hoạt động kinh tế					50.000		
	Lĩnh vực cấp nước thoát nước					50.000		
1	Dự án đầu tư xây dựng công trình đảm bảo an ninh nguồn nước thô của các trạm cấp nước sạch do Trung tâm Nước sạch và VSMTNT Bắc Ninh quản lý;	Trung tâm Nước sạch và VSMTNT Bắc Ninh	87/NQ-HĐND ngày 08/12/2021	99.826	Năm 2021: Chuẩn bị đầu tư Năm 202-2025: Triển khai thực hiện dự án	50.000	774/TTN-KT.XDCB ngày 02/12/2024	

PHỤ LỤC 02: DANH MỤC ĐIỀU CHỈNH GIẢM HẠN MỨC KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG TRUNG HẠN GIAI ĐOẠN 2021-2025
(Kèm theo Quyết định số 70/QĐ-UBND ngày 07 tháng 02 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Ngành, lĩnh vực/Dự án	Chủ đầu tư	Quyết định phê duyệt CTĐT		Quyết định đầu tư dự án		Quyết định phê duyệt QT		Kế hoạch ĐTC Ngân sách tỉnh trung hạn 2021-2025			Ghi chú
			Số quyết định	TMDT	Số quyết định	TMDT	Số quyết định	Tổng giá trị QT	Nghị quyết 86/NQ-HĐND; 124/NQ-HĐND; 134/NQ-HĐND; 154/NQ-HĐND; 223/NQ-HĐND; 314/NQ-HĐND; 327/NQ-HĐND; 345/NQ-HĐND	Điều chỉnh giảm	Số sau điều chỉnh	
TỔNG CỘNG				12.831.387		13.791.492	-	4.414.288	4.555.240,539438	1.348.664,241117	3.206.576,298321	
A	DỰ ÁN SỬ DỤNG VỐN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG VÀ NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG ĐỐI ỨNG			5.262.339		4.718.634	-	-	1.480.000,000000	782.555,597062	697.444,402938	
1	Trung tâm đổi mới sáng tạo tỉnh Bắc Ninh (Khu ươm tạo, khởi nghiệp, khởi nghiệp sáng tạo, cơ sở kỹ thuật hỗ trợ công nghiệp phụ trợ và công nghệ cao, khu làm việc chung hỗ trợ doanh nghiệp)	Sở Kế hoạch và Đầu tư	22/NQ-HĐND ngày 16/7/2021	499.898					174.745,000000	174.745,000000	-	
2	Dự án ĐTXD đường ĐT278 đoạn từ QL18, xã Phụng Mao đến DT287, xã Yên Giả, huyện Quê Võ	Ban QLĐXD Giao thông	291/NQ-HĐND ngày 17/7/2020; 363/NQ-HĐND ngày 10/5/2021	298.163	1667/QĐ-UBND ngày 28/12/2021	289.299			102.000,000000	76.816,356000	25.183,644000	
3	ĐTXD cầu Kênh Vàng và đường dẫn hai đầu cầu kết nối hai tỉnh Bắc Ninh và Hải Dương	Ban QLĐXD Giao thông	366/NQ-HĐND ngày 10/5/2021; 275NQ-HĐND ngày 02/4/2024	2.182.612	1674/QĐ-UBND ngày 28/12/2021; 771QĐ-UBND ngày 24/6/2024	2.182.612			372.000,000000	265.084,895500	106.915,104500	
4	Đầu tư xây dựng Cầu Phát Tích - Đại Đồng Thành (cầu vượt sông Đuống nối hai huyện Tiên Du - Thuận Thành, tỉnh Bắc Ninh)	Ban QLĐXD Giao thông	109/TT HĐND17 ngày 29/6/2016; 124/TT HĐND18 ngày 22/5/2017; 241/NQ-HĐND ngày 4/6/2020; 365/NQ-HĐND ngày 10/5/2021; 195/NQ-HĐND ngày 12/4/2023; 276/NQ-HĐND ngày 02/4/2024	1.926.969	691/QĐ - UBND ngày 30/5/2017; 659/QĐ - UBND, ngày 10/6/2020; 1673/QĐ-UBND ngày 28/12/2021; 613/QĐ-UBND ngày 24/5/2023; 1173/QĐ-UBND ngày 26/9/2024	1.926.969			665.000,000000	200.000,000000	465.000,000000	
5	Cải tạo, nâng cấp kênh tiêu Tào Khê (đoạn từ Cầu Trầm đến điều tiết Chi)	Ban QLĐA ĐTXD các công trình Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	278/NQ-HĐND ngày 17/7/2020; 344/NQ-HĐND ngày 11/12/2020	199.950	751/QĐ-UBND ngày 22/6/2021	199.950			100.000,000000	30.000,000000	70.000,000000	
6	Xử lý sạt lở bờ, bãi sông đoạn từ K32+544 - K33+300 và đoạn K46+500 - K46+700 đê hữu Cầu, huyện Yên Phong	Chi cục Thủy lợi	368/NQ-HĐND ngày 10/5/2021	85.000	1558/QĐ-UBND ngày 09/12/2021	84.998			32.000,000000	2.000,000000	30.000,000000	
7	Tăng cường quản lý đất đai và cơ sở dữ liệu đất đai thực hiện tại tỉnh Bắc Ninh vay vốn Ngân hàng thế giới	Sở Tài nguyên và Môi trường	599/QĐ-UBND ngày 20/10/2016	69.748	609/QĐ-UBND ngày 31/10/2016; 1749/QĐ-UBND ngày 31/12/2021	34.806			34.255,000000	33.909,345562	345,654438	Bao gồm giảm cả nguồn vốn vay lại theo hiệp định do CDT đã để xuất dừng dự án không sử dụng vốn ODA nữa

STT	Ngành, lĩnh vực/Dự án	Chủ đầu tư	Quyết định phê duyệt CTĐT		Quyết định đầu tư dự án		Quyết định phê duyệt QT		Kế hoạch ĐTC Ngân sách tỉnh trung hạn 2021-2025			Ghi chú	
			Số quyết định	TMBT	Số quyết định	TMBT	Số quyết định	Tổng giá trị QT	Nghị quyết 86/NQ-HĐND; 124/NQ-HĐND; 134/NQ-HĐND; 154/NQ-HĐND; 223/NQ-HĐND; 314/NQ-HĐND; 327/NQ-HĐND; 345/NQ-HĐND	Điều chỉnh giảm	Số sau điều chỉnh		
B	DỰ ÁN NGÂN SÁCH TỈNH QUẢN LÝ			7.443.565		8.952.846		4.414.288		3.020.240,539438	555.633,415420	2.464.607,124018	
1	Các dự án đã được phê duyệt quyết toán, không còn nhu cầu vốn giai đoạn 2021-2025			3.826.448		5.430.779	-	4.379.869		1.015.552,003100	31.085,957452	984.466,045648	
1	Xử lý khẩn cấp ngay sự cố sạt lở bờ, bãi sông đoạn K45+000 K46+000 đê Hữu Đuống, huyện Gia Bình	Ban QLDA ĐTXD các công trình Nông nghiệp và Phát triển nông thôn			438/QĐ-UBND ngày 09/4/2020	79.296	1934, 31/12/2020	63.591,947		6.044,829000	0,001500	6.044,827500	
2	Xử lý cấp bách kè Tri Phương và kè Chi Đồng đê tá Đuống	Ban QLDA ĐTXD các công trình Nông nghiệp và Phát triển nông thôn			642/QĐ-UBND 13/6/2011	396.370	1771/QĐ-UBND ngày 17/12/2020	304.515.599		3.994,613000	0,000200	3.994,612800	
3	Xử lý ô nhiễm môi trường xã Tri Phương, huyện Tiên Du	Ban QLDA ĐTXD các công trình Nông nghiệp và Phát triển nông thôn			Số: 86/QĐ-SXD ngày 30/3/2016	14.988	129/QĐ-STC ngày 25/9/2024	12.806,587		2.036,278000	380,712000	1.655,566000	
4	Dự án Trạm bơm xã Hoài Thượng.	Ban QLDA ĐTXD các công trình Nông nghiệp và Phát triển nông thôn			Số: 1154/QĐ-UBND ngày 30/10/2014; 1752/QĐ-UBND ngày 11/10/2018	41.839	335/QĐ-UBND ngày 29/3/2023	37.341,388		1.450,629000	90,121100	1.360,507900	
5	Dự án cải tạo, nâng cấp kênh tiêu Ao Quan, kênh Cống Đả TX Từ Sơn	Ban QLDA ĐTXD các công trình Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	1157/QĐ-UBND ngày 25/8/2017	31.000	1555/QĐ-UBND ngày 30/10/2017	29.988	333/QĐ-UBND ngày 29/3/2023	27.360,196		3.361,197000	1,000900	3.360,196100	
6	Nạo vét sông Đông Côi - Đại Quảng Bình, huyện Thuận Thành, Gia Bình, Lương Tài, tỉnh Bắc Ninh	Ban QLDA ĐTXD các công trình Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	221a/TTHĐND ngày 30/10/2015	86.800	1285/QĐ-UBND ngày 11/12/2015 1944/QĐ-UBND ngày 21/12/2017	86.800	1515/QĐ-UBND ngày 08/12/2022	82.525,955		8.035,922000	388,118400	7.647,803600	
7	Trạm bơm tưới Vạn Ninh, huyện Gia Bình	Ban QLDA ĐTXD các công trình Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	176/TTHĐND18 ngày 28/8/2018	90.239	1838/QĐ-UBND ngày 22/10/2018	90.239	1719/QĐ-UBND ngày 30/12/2022	86.758,723		20.278,000000	0,070900	20.277,929100	
8	Cải tạo, nạo vét, cứng hóa mái bê phải kênh và công trình trên kênh tưới trạm bơm Xuân Hội, huyện Tiên Du	Ban QLDA ĐTXD các công trình Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	1543/QĐ-UBND ngày 27/10/2017	9.553	382/QĐ-KH.KTN ngày 30/10/2018	7.845	182/QĐ-STC ngày 02/11/2023	7.029,203		2.389,799000	360,596000	2.029,203000	
9	Xử lý sạt trượt bãi sông đoạn từ K44+300 K44+800, đê hữu Cầu, huyện Yên Phong	Ban QLDA ĐTXD các công trình Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	1104/QĐ-UBND ngày 24/7/2019; 871/QĐ-UBND ngày 15/7/2021	19.854	1735/QĐ UBND, ngày 30/10/2019	19.601	1208/QĐ-UBND ngày 10/11/2022	16.372,368		11.514,982000	142,614000	11.372,368000	
10	Cải tạo, nâng cấp tuyến đê bồi Song Giang - Giang Sơn, làm đường hệ đê kết hợp giao thông nông thôn	Ban QLDA ĐTXD các công trình Nông nghiệp và Phát triển nông thôn			Số: 1149/QĐ-UBND ngày 30/10/2014	53.636	332/QĐ-UBND ngày 29/3/2023	40.480,358		3.181,586000	0,000636	3.181,585364	
11	Dự án Cải tạo, nạo vét kênh tiêu T11 và kênh bắc KCN Đại Đồng Hoàn Sơn	Ban QLDA ĐTXD các công trình Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	1340/QĐ-UBND ngày 27/10/2016	82.526	1371/QĐ-UBND, ngày 28/10/2016	27.690	2407/QĐ-UBND ngày 27/12/2023; 188/BC-STC ngày 13/11/2023	20.011,817		2.865,000000	617,543000	2.247,457000	
12	Dự án ĐTXD Trạm bơm Tri Phương II	Ban QLDA ĐTXD các công trình Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	1077/QĐ-BNN-XD ngày 30/3/2017	265.002	3907/QĐ-BNN-XD ngày 29/9/2017	265.002	2744/QĐ-BNN-TC ngày 06/8/2024	37.354,465		10.494,000000	151,441100	10.342,558900	

STT	Ngành, lĩnh vực/Dự án	Chủ đầu tư	Quyết định phê duyệt CTĐT		Quyết định đầu tư dự án		Quyết định phê duyệt QT		Kế hoạch ĐTC Ngân sách tỉnh trung hạn 2021-2025			Ghi chú
			Số quyết định	TMBĐT	Số quyết định	TMBĐT	Số quyết định	Tổng giá trị QT	Nghị quyết 86/NQ-HĐND; 124/NQ-HĐND; 134/NQ-HĐND; 154/NQ-HĐND; 223/NQ-HĐND; 314/NQ-HĐND; 327/NQ-HĐND; 345/NQ-HĐND	Điều chỉnh giảm	Số sau điều chỉnh	
13	Xây dựng tuyến kênh kéo dài nối từ kênh Nam khu công nghiệp Yên Phong đến kênh tiêu Vạn An	Ban QLDA ĐTXD các công trình Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	90/QĐ-UBND- ngày 22/01/2021	7.567	333/QĐ-SKHĐT.QLN ngày 15/12/2021	7.560	191/QĐ-STC ngày 02/12/2024	6.686,008	7.300,000000	613,992000	6.686,008000	
14	Cầu vượt dân sinh số 02 tại KCN Quế Võ	Ban Quản lý dự án xây dựng giao thông	730/QĐ-ngày 17/5/2018	27.568	1152/QĐ-ngày 16/7/2018	25.907	1933, 31/12/2020	20.345,617	4.345,617000	4,352000	4.341,265000	
15	ĐTXD cải tạo, nâng cấp TL 283 Dầu Ngủ Thái (lý trình Km13+767 Km18+450), huyện Thuận Thành	Ban Quản lý dự án xây dựng giao thông	88/NQ-HĐND ngày 8/12/2017	108.312	850/QĐ ngày 06/06/2018	123.282	1935, 31/12/2020	105.745,424	7.475,581000	17,371000	7.458,210000	
16	Đường Nguyễn Quyền 1, thành phố Bắc Ninh	Ban Quản lý khu vực phát triển đô thị			1419/QĐ-UBND ngày 20/11/2015	66.677	1910/QĐ-UBND ngày 30/12/2020	54.300,290	2.363,262000	0,000230	2.363,261770	
17	Đoạn đường theo QH giữ trụ sở BHXH Tỉnh & Tòa án Tỉnh	Ban Quản lý khu vực phát triển đô thị	1233/QĐ-UBND ngày 23/10/2015	8.825	315/QĐ-SXD 30/10/2015	7.896	102/QĐ-STC ngày 28/6/2021	6.230,458	412,215000	0,000800	412,214200	
18	Nhà hát dân ca quan họ Bắc Ninh	Ban Quản lý khu vực phát triển đô thị	92/TTHĐND17 ngày 12/5/2016; 142/TTHĐND18 ngày 25/7/2018	241.582	962/QĐ-UBND ngày 10/8/2016; 1412/QĐ-UBND ngày 17/8/2018	241.582	940/QĐ-UBND ngày 07/8/2023	214.840,094	14.661,934000	5.227,609000	9.434,325000	
19	Cung Quy hoạch kiến trúc Bắc Ninh	Ban Quản lý khu vực phát triển đô thị	215/TTHĐND ngày 23/10/2015;	179.363	1283/QĐ-UBND ngày 30/10/2015; 840/QĐ-UBND ngày 08/7/2016; 2047/QĐ-UBND ngày 02/11/2018	179.303	1606/QĐ-UBND ngày 17/12/2021	160.864,081	14.882,559000	16,020500	14.866,538500	
20	Cải tạo, sửa chữa trụ sở Tiếp công dân tỉnh Bắc Ninh	Ban Tiếp công dân tỉnh	255/QĐ-UBND ngày 10/8/2021	7.000	313/QĐ-SKHĐT.ĐTG ngày 19/11/2021	6.984	61/QĐ-STC ngày 30/5/2024	6.256,881	6.800,000000	563,182000	6.236,818000	
21	ĐTXD Doanh trại Ban CHQS huyện Gia Bình/Bộ CHQS tỉnh BN	Bộ CHQS tỉnh	QĐ số 4744/QĐ-BQP, 30/10/2018	35.000	QĐ số 4745/QĐ-BQP, 30/10/2018	35.000	2091/QĐ-BQP ngày 22/5/2023	30.850,695	2.925,348000	0,000378	2.925,347622	
22	ĐTXD doanh trại cơ quan Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh	Bộ CHQS tỉnh	4716/QĐ-BQP ngày 05/11/2015	251.903	1285/QĐ-BQP ngày 05/4/2016	251.903	4824/QĐ-BQP ngày 17/11/2022	228.777,935	20.570,833000	0,000744	20.570,832256	
23	Công trình đường hầm Sứ chỉ huy thống nhất tỉnh Bắc ninh (mật danh: ĐH-01)	Bộ CHQS tỉnh	119/TTHĐND17 ngày 14/7/2015; 31/NQ-HĐND ngày 16/7/2021	108.431	1736/QĐ-UBND; 31/12/2015; 1643/QĐ-UBND ngày 24/12/2021	107.810	2272/QĐ-UBND ngày 30/11/2023	103.145,497	37.645,497000	157,619000	37.487,878000	
24	Nhà học bộ môn và các hạng mục phụ trợ trường THPT Hoàng Quốc Việt	BQLDA ĐTXD công trình Dân dụng và Công nghiệp			179/QĐ-UBND ngày 17/2/2020	28.347	793a/QĐ-UBND ngày 30/6/2021	26.749,520	3.217,370000	0,000300	3.217,369700	
25	Xây dựng mở rộng, cải tạo nhà hiệu bộ và các hạng mục phụ trợ trường THPT Lương Tài	BQLDA ĐTXD công trình Dân dụng và Công nghiệp	77/QĐ-UBND ngày 20/1/2017	17.681	345/QĐ-KHĐT ngày 25/10/2017;	10.451	298/QĐ-STC ngày 03/12/2021	10.076,857	351,759000	5,000000	346,759000	
26	Bệnh viện đa khoa huyện Lương Tài	BQLDA ĐTXD công trình Dân dụng và Công nghiệp			1068/QĐ-UBND ngày 22/9/2015	206.918	1611/QĐ-UBND ngày 20/12/2021	200.844,300	474,420000	24,820000	449,600000	
27	ĐTXD Nhà lớp học, trường THPT Lý Thái Tổ	BQLDA ĐTXD công trình Dân dụng và Công nghiệp	211/NQ - HĐND, ngày 29/10/2019	55.000	1785/QĐ-UBND ngày 31/10/2019	53.607	198/QĐ-UBND ngày 27/02/2023	48.479,099	38.179,099000	12,324000	38.166,775000	
28	Sửa chữa, cải tạo nâng cấp trường Cao đẳng Công nghiệp Bắc Ninh	BQLDA ĐTXD công trình Dân dụng và Công nghiệp			1784/QĐ UBND, ngày 31/10/2019	32.781	1021/QĐ-UBND ngày 17/10/2022	25.291,200	17.311,316000	20,116500	17.291,199500	
29	Dự án ĐTXD cải tạo, nâng cấp Trung tâm kiểm soát bệnh tật tỉnh Bắc Ninh	BQLDA ĐTXD công trình Dân dụng và Công nghiệp	201/NQ-HĐND ngày 11/7/2019	84.714	1782/QĐ-UBND ngày 31/10/2019	84.401	1057/QĐ-UBND ngày 04/9/2024	70.627,774	55.534,955500	4.907,181500	50.627,774000	
30	nâng cao năng lực PCCC và bảo vệ rừng BN 2014-2016	Chi cục Kiểm lâm			239/QĐ-KH.KTN ngày 29/10/14	8.900	317, 29/12/2020	7.157,658	76,003000	0,000500	76,002500	

STT	Ngành, lĩnh vực/Dự án	Chủ đầu tư	Quyết định phê duyệt CTBT		Quyết định đầu tư dự án		Quyết định phê duyệt QT		Kế hoạch ĐTC Ngân sách tỉnh trung hạn 2021-2025			Ghi chú
			Số quyết định	TMDT	Số quyết định	TMDT	Số quyết định	Tổng giá trị QT	Nghị quyết 86/NQ-HĐND; 124/NQ-HĐND; 134/NQ-HĐND; 154/NQ-HĐND; 223/NQ-HĐND; 314/NQ-HĐND; 327/NQ-HĐND; 345/NQ-HĐND	Điều chỉnh giảm	Số sau điều chỉnh	
31	Chương trình đầu tư, cải tạo nâng cấp rừng phòng hộ tỉnh Bắc Ninh theo mô hình phát triển bền vững giai đoạn 2015-2020	Chi cục Kiểm lâm	428/QĐ-UBND ngày 30/10/2015; 278/QĐ-UBND ngày 24/6/2022	59.478	213/QĐ-UBND ngày 26/02/16; 605/QĐ-UBND ngày 04/7/2022	58.275	596/QĐ-UBND ngày 23/5/2024	48.115,252	9.377,275000	0,000800	9.377,274200	
32	Kê gia cố mái kênh bê giữa hai kênh ba bê thuộc trục tiêu sông Đừi ra trạm bơm Nghĩa Đạo, huyện Thuận Thành	Chi cục Thủy lợi			378/QĐ-KTN ngày 30.10.2018	9.504	247/QĐ-STC ngày 11/11/2020	8.175,000	1.186,290000	0,001000	1.186,289000	
33	Xử lý sạt lở bờ, bãi sông đoạn từ K0+100 ÷ K0+400 và đoạn từ K1+300 ÷ K2+200 đê bồi Đâu Hàn, xã Hòa Long	Chi cục Thủy lợi			1992/QĐ-UBND	35.000	776/QĐ-UBND ngày 29/6/2021	30.770,723	8.770,723000	0,000500	8.770,722500	
34	Xử lý sạt lở bờ, bãi sông Đuống tương ứng từ K37+200 ÷ K38+200 đê hữu Đuống, xã Lãng Ngâm, huyện Gia Bình	Chi cục Thủy lợi			1994/QĐ-UBND ngày 31/10/2018	35.670	1392/QĐ-UBND ngày 05/11/2021	29.713,095	5.553,095000	0,000300	5.553,094700	
35	Xử lý sạt lở bờ, bãi sông đoạn từ K28+500-K31+100 đê tả Đuống, huyện Tiên Du	Chi cục Thủy lợi	58/QĐ-UBND ngày 15/01/2021	79.000	1433/QĐ-UBND ngày 16/11/2021	78.954	163/BC-STC ngày 15/10/2024	64.016,280	65.000,000000	983,720000	64.016,280000	
36	Trụ sở công an và Ban chỉ huy quân sự thị trấn Gia Bình, huyện Gia Bình	Công an tỉnh	588/QĐ-UBND ngày 24/9/2019	7.927	361/QĐ-SKHĐT ngày 29/10/2019	6.985	6/QĐ-STC ngày 12/01/2023	6.421,298	3.922,000000	0,702000	3.921,298000	
37	Cửa khẩu kênh dẫn Long Từu thuộc các hạng mục công trình chống hạn phục vụ sản xuất vụ Xuân năm 2015	Công ty TNHH MTV KTCTTL Bắc Đuống			473/QĐ-SNN ngày 19/11/2015	1.018	184 ngày 17/9/2021	927,321	597,944000	415,247000	182,697000	
38	Cải tạo nâng cấp Trạm bơm Lương Tân	Công ty TNHH MTV KTCTTL Bắc Đuống			90/QĐ-UBND ngày 23/01/2017	43.406	1331/QĐ-UBND ngày 22/11/2022	36.312,371	5.206,899000	831,265230	4.375,633770	
39	Lắp đặt máy vớt rác tự động các trạm bơm Tân Chi, Phần Động, Kim đôi 2	Công ty TNHH MTV KTCTTL Bắc Đuống	581/QĐ-UBND ngày 16/4/2019; 269/QĐ-UBND ngày 17/8/2021	59.994	1746/QĐ-UBND; 30/10/2019; 1682/QĐ-UBND ngày 28/12/2021	59.994	1603/QĐ-UBND ngày 29/11/2024	55.079,265	55.982,000000	1.297,007000	54.684,993000	
40	ĐTXD Trạm bơm tiêu Nghi An 1	Công ty TNHH MTV KTCTTL Nam Đuống	1629/QĐ-UBND ngày 17/10/2019; 521/QĐ-UBND ngày 09/12/2021	29.985	1768/QĐ - UBND, ngày 31/10/2019; 1644/QĐ-UBND ngày 24/12/2021	29.985	2342/QĐ-UBND ngày 20/12/2023	23.980,885	20.242,000000	3.261,115000	16.980,885000	
41	Công trình Bể bơi trường THPT Lê Văn Thịnh	Sở giáo dục đào tạo			85/QĐ-KHĐT ngày 8/5/2020	10.540	221/QĐ-STC ngày 08/10/2021	9.886,742	2.032,000000	145,258303	1.886,741697	
42	Công trình Bể bơi Trường THPT Thuận Thành số 2	Sở giáo dục đào tạo			83/QĐ-KHĐT ngày 8/5/2020	10.751	215/QĐ-STC ngày 05/10/2021	9.749,771	2.208,000000	458,229200	1.749,770800	
43	Công trình Bể bơi trường THPT Quế Võ số 3	Sở giáo dục đào tạo			142/QĐ-KHĐT ngày 26/5/2020	10.736	208/QĐ-STC ngày 29/9/2021	10.046,278	2.226,000000	158,039000	2.067,961000	
44	Công trình bể bơi trường Tiểu học Bình Định và trường THCS Trung Khê	Sở giáo dục đào tạo			88/QĐ-KHĐT ngày 8/5/2020	9.856	367/QĐ-STC ngày 31/12/2021	9.855,782	1.300,000000	503,390000	796,610000	
45	Công trình bể bơi trường THPT Nguyễn Văn Cừ	Sở giáo dục đào tạo			87/QĐ-KHĐT ngày 13/5/2020	10.722	351/QĐ-STC ngày 30/12/2021	9.805,348	2.065,000000	259,651000	1.805,349000	
46	Đầu tư xây dựng Trường THPT Lý Nhân Tông	Sở giáo dục đào tạo	608/QĐ-UBND ngày 27/9/2019	13.997	396/QĐ KHĐT ngày 30/10/2019	13.863	197/QĐ-STC ngày 13/11/2023	12.972,753	9.472,753000	6,955000	9.465,798000	
47	Cải tạo sửa chữa nhà lớp học 4 tầng trường THPT Hàm Long	Sở giáo dục đào tạo	676/QĐ-UBND ngày 22/10/2019	12.983	389/QĐ-KHĐT; 30/10/2019	10.283	94/QĐ-STC ngày 30/5/2022	9.768,008	6.268,008000	2,112000	6.265,896000	
48	Cải tạo, sửa chữa Trường THPT Tiên Du số 1	Sở giáo dục đào tạo	609/QĐ-UBND ngày 27/9/2019	7.999	388/QĐ KHĐT ngày 30/10/2019	7.999	198/QĐ-STC ngày 13/11/2023	7.564,402	4.615,541000	51,139000	4.564,402000	
49	Cải tạo, sửa chữa trụ sở Sở Khoa học công nghệ tỉnh Bắc Ninh	Sở Khoa học công nghệ			427/QĐ KHĐT, ngày 31/10/2019; 258/QĐ-KH.KTN ngày 21/7/2020	14.123	127/QĐ-STC ngày 08/7/2022	12.914,258	8.914,258000	0,000283	8.914,257717	

STT	Ngành, lĩnh vực/Dự án	Chủ đầu tư	Quyết định phê duyệt CTĐT		Quyết định đầu tư dự án		Quyết định phê duyệt QT		Kế hoạch ĐTC Ngân sách tỉnh trung hạn 2021-2025			Ghi chú
			Số quyết định	TMDT	Số quyết định	TMDT	Số quyết định	Tổng giá trị QT	Ngự quyết 86/NQ-HĐND; 124/NQ-HĐND; 134/NQ-HĐND; 154/NQ-HĐND; 223/NQ-HĐND; 314/NQ-HĐND; 327/NQ-HĐND; 345/NQ-HĐND	Điều chỉnh giảm	Số sau điều chỉnh	
50	Dự án xây dựng Kho lưu trữ tỉnh Bắc Ninh	Sở Nội vụ	197/TT.HĐND ngày 26/9/2016	89.556	784/QĐ-TTg, 24//2010 1350/QĐ-UBND, 27/10/2016 1930/QĐ/UBND ngày 18/12/2017	89.556	1483/QĐ-UBND ngày 26/11/2021	80.756,839	3.920,266000	29,266571	3.890,999429	
51	Dự án Xây dựng công trình trụ sở các Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện Quế Võ	Sở Tài nguyên và môi trường	529/QĐ-UBND ngày 04/9/2019	14.999	383/QĐ-KHĐT.KTN ngày 30/10/2019	14.999	106 ngày 29/6/2021	14.676,801	5.676,801000	0,041990	5.676,759010	
52	Dự án cải tạo, mở rộng trụ sở Phòng Công chứng số 2 tỉnh Bắc Ninh	Sở Tư pháp	210/QĐ-UBND ngày 15/7/2021	10.000	349/QĐ-SKHĐT.ĐTĐ ngày 29/12/2021	8.928	217/QĐ-STC ngày 07/12/2023	7.898,877	8.000,000000	101,123000	7.898,877000	
53	Mở rộng đền thờ Lê Văn Thịnh, hạng mục đền Thượng, xã Đông Cứu, huyện Gia Bình	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	1761/QĐ-UBND, ngày 12/10/2018; 173/QĐ-UBND ngày 27/5/2021	14.944	405/QĐ KHĐT, ngày 31/10/2018; 125/QĐ-SKHĐT.QLN, 09/6/2021	14.944	39/QĐ-STC ngày 08/03/2023	14.315,781	5.316,000000	3,023000	5.312,977000	
54	Cải tạo nhà thi đấu đa năng (tỉnh Bắc Ninh)	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	1627/QĐ-UBND; 21/9/2018; 172/QĐ-UBND ngày 27/5/2021	14.906	413/QĐ KHĐT ngày 31/10/2018; 127/QĐ-UBND ngày 15/6/2021	14.588	35/QĐ-STC ngày 16/4/2024	13.087,943	5.896,873000	1.500,142328	4.396,730672	
55	Tu bổ, tôn tạo di tích Lăng và Đền thờ Kinh Dương Vương	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch			51/QĐ-UBND; 17/1/2014	168.680	1388/QĐ-UBND ngày 07/11/2024	122.188,649	36.000,000000	1.157,248000	34.842,752000	
56	Cải tạo, sửa chữa trụ sở Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	1490/QĐ-UBND, ngày 23/10/2017	19.320	1566/QĐ-UBND, ngày 30/10/2017	19.320	1406/QĐ-UBND ngày 29/11/2022	18.636,820	5.702,146000	57,678000	5.644,468000	
57	Tu bổ, tôn tạo chùa Linh Ứng, xã Gia Đông, huyện Thuận Thành	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	553/QĐ-UBND, ngày 13/9/2019; 408/QĐ-UBND ngày 01/11/2021	29.999	1741/QĐ UBND, ngày 30/10/2019; 1484/QĐ-UBND ngày 26/11/2021	29.980	970/QĐ-UBND ngày 16/8/2024	28.334,224	22.479.996000	1.645,772000	20.834,224000	
58	Tu bổ, tôn tạo di tích đình Viêm Xá (Đình Diễm), xã Hòa Long, TP Bắc Ninh	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	670/QĐ - UBND, ngày 18/10/2019; 490/QĐ-UBND ngày 10/11/2022	22.031	1740/QĐ - UBND, ngày 30/10/2019; 1464/QĐ-UBND ngày 05/12/2022	21.974	1348/QĐ-UBND ngày 31/10/2024	19.612,350	21.000.000000	1.387,650000	19.612,350000	
59	Dự án: Đầu tư xây dựng cải tạo, sửa chữa, nâng cấp trụ sở làm việc Thanh tra tỉnh Bắc Ninh	Thanh tra tỉnh	453/QĐ-UBND ngày 30/9/2020	12.873	128/QĐ-SKHĐT.ĐTĐ ngày 16/6/2021	12.228	90/QĐ-STC ngày 15/6/2023	11.486,074	8.565,257000	1,980500	8.563,276500	
60	xây dựng mới trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Ninh	Tòa án nhân dân tỉnh	646/QĐ-TANDTC-KHTC	80.000	709/QĐ-TANDTC-KHTC ngày 31/10/2016	80.000	608/-TANDTC-KHTC ngày 20/12/2022	75.333,058	2.684,636000	0,000608	2.684,635392	
61	Dự án ĐTXD trụ sở Trung tâm kiểm định chất lượng và kinh tế xây dựng - Chi cục giám định xây dựng	Trung tâm kiểm định chất lượng và kinh tế xây dựng	131/NQ-HĐND ngày 03/10/2018	70.796	1920/QĐ UBND, ngày 26/10/2018	70.956	141/QĐ-UBND ngày 09/02/2022	64.152,212	21.055,077600	0,003400	21.055,074200	
62	Trường mầm non xã Đại Lai, huyện Gia Bình	UBND huyện Gia Bình (Ban QLDA)	1370/QĐ - UBND, ngày 28/10/2016	34.801	1474/QĐ-UBND, ngày 31/10/2016	34.771	514/QĐ-UBND ngày 07/05/2021	32.469,682	2.478,568000	33,999000	2.444,569000	
63	Cải tạo, nâng cấp tuyến đường Kênh Bắc, huyện Gia Bình	UBND huyện Gia Bình (Ban QLDA)	1349/QĐ-UBND ngày 27/10/2016	56.441	558/QĐ-UBND ngày 11/5/17	55.209	1241/QĐ-UBND ngày 12/10/2021	45.588,114	5.098,456000	0,000500	5.098,455500	
64	Khu trung tâm văn hóa thể thao xã Nhân Thắng, huyện Gia Bình	UBND huyện Gia Bình (Ban QLDA)	1749/QĐ - UBND, ngày 11/10/2018	29.795	1944/QĐ UBND, ngày 29/10/2018	29.651	82/QĐ-UBND ngày 19/01/2023	27.905,591	4.279,000000	0,409000	4.278,591000	
65	Cải tạo, nâng cấp tuyến đường liên xã Xuân Lai đi Song Giang (Đoạn QL17 đi đé Đại Hà)	UBND huyện Gia Bình (Ban QLDA)	1642/QĐ-UBND ngày 17/10/2019	19.986	1814/QĐ UBND, ngày 31/10/2019	19.168	2126/QĐ-UBND ngày 31/10/2023	19.168,392	14.540.000000	16,701000	14.523,299000	
66	Dự án ĐTXD đường Giao thông khu nuôi trồng thủy sản tập trung xã Bình Dương, huyện Gia Bình	UBND huyện Gia Bình (Ban QLDA)	537/QĐ-UBND ngày 06/9/2019	29.978	1671/QĐ-UBND ngày 22/10/2019; 1750/QĐ-UBND ngày 31/12/2021	27.796	1239/QĐ-UBND ngày 15/11/2022	26.491,044	19.076.924000	85,880000	18.991,044000	
67	Dự án chỉnh trang đô thị trung tâm thị trấn Gia Bình và thị trấn Nhân Thắng, huyện Gia Bình	UBND huyện Gia Bình (Ban QLDA)	471/QĐ-UBND ngày 16/08/2019	59.178	1615/QĐ UBND, ngày 16/10/2019	38.872	1075/QĐ-UBND ngày 27/10/2022	32.851,526	22.851,525000	11,739000	22.839,786000	

STT	Ngành, lĩnh vực/Dự án	Chủ đầu tư	Quyết định phê duyệt CTBT		Quyết định đầu tư dự án		Quyết định phê duyệt QT		Kế hoạch ĐTC Ngân sách tỉnh trung hạn 2021-2025			Ghi chú
			Số quyết định	TMDT	Số quyết định	TMDT	Số quyết định	Tổng giá trị QT	Nghị quyết 86/NQ-HĐND; 124/NQ-HĐND; 134/NQ-HĐND; 154/NQ-HĐND; 223/NQ-HĐND; 314/NQ-HĐND; 327/NQ-HĐND; 345/NQ-HĐND	Điều chỉnh giảm	Số sau điều chỉnh	
68	Cải tạo nâng cấp tuyến đường liên xã Quỳnh Phú đi Đại Bái (đoạn từ trạm bơm Quỳnh bội xã Quỳnh phú đi Đoan Bái xã Đại Bái)	UBND huyện Gia Bình (Ban QLDA)	1946/QĐ UBND, ngày 29/10/2018	17.979	2445/QĐ UBND, ngày 28/12/2018	16.913	73/QĐ-UBND ngày 18/01/2023	14.457,355	7.458,000000	0,645000	7.457,355000	
69	Cải tạo, nâng cấp tuyến đường TL.285 cũ (đoạn từ Phương Triện xã Đại Lai đi Nhân Hữu, xã Nhân Thắng) huyện Gia Bình	UBND huyện Gia Bình (Ban QLDA)	195/QĐ-UBND ngày 16/8/2017	137.843	1561/QĐ-UBND ngày 30/10/2017	126.809	580/QĐ-UBND ngày 22/5/2024	101.228,264	12.029,121000	0,000495	12.029,120505	
70	Cải tạo, nâng cấp tuyến đường liên huyện từ TL281-Đê hữu đuông, đoạn qua địa phận huyện Gia Bình và 2 tuyến nhánh	UBND huyện Gia Bình (Ban QLDA)			403/QĐ-UBND ngày 07/4/2016	129.397	1504/QĐ-UBND ngày 06/12/2022	99.217.899	6.061,628000	98,818000	5.962,810000	
71	Hệ thống đường giao thông nội thị trấn Thứa, huyện Lương Tài	UBND huyện Lương Tài (Ban QLDA)	1320/QĐ-UBND ngày 24/10/2016	58.698	1468/QĐ-UBND, ngày 28/10/2016	55.742	1530/QĐ-UBND ngày 06/12/2021	51.813,038	8.496,252000	7,232256	8.489,019744	
72	Đường Đ20 (đoạn từ TL.281 đi Phú Hòa), huyện Lương Tài - giai đoạn 1	UBND huyện Lương Tài (Ban QLDA)	1742/QĐ-UBND ngày 10/10/2018	7.993	370/QĐ KHĐT.ĐTG ngày 29/10/2018	7.949	260 ngày 09/11/2021	3.919,582	119,582000	3,050600	116,531400	
73	Cầu chợ Đò, huyện Lương Tài	UBND huyện Lương Tài (Ban QLDA)	1434/QĐ-UBND ngày 13/12/2017	23.842	540-18/4/2018	15.646	BC số 208/BC-STC ngày 03/12/2021	13.969,382	1.269,382000	2,104000	1.267,278000	
74	Dự án ĐTXD đường vào khu xử lý chất thải rắn sinh hoạt tập trung huyện Lương Tài (Từ TL281, KM19+400 thôn Ngọc Thượng đi cầu Phương Độ)	UBND huyện Lương Tài (Ban QLDA)	NQ 131/NQ-HĐND ngày 03/10/2018	157.575	1907/QĐ-UBND ngày 26/10/2018; 666 ngày 12/6/2020	147.308	2254/QĐ-UBND ngày 29/11/2023	121.578,971	27.969,888000	359,630000	27.610,258000	
75	Đầu tư xây dựng đường trục chính đô thị (đoạn TL.279 nối trường THCS Nguyễn Cao và đường 36m) đi Quốc lộ 18, huyện Quế Võ	UBND huyện Quế Võ (Ban QLDA)	Số 1551/QĐ-UBND ngày 07/09/2018	17.997	371/QĐ-SKHĐT-ĐTG ngày 29/10/2018	8.558	98/QĐ-STC ngày 22/6/2021	7.760,462	1.760,462000	0,000010	1.760,461990	
76	Tuyến đường quốc phòng đoạn từ khu xử lý chất thải bảo vệ môi trường tỉnh Bắc Ninh đến đê Sông Cầu, xã Phù Lãng, huyện Quế Võ	UBND huyện Quế Võ (Ban QLDA)			657/QĐ-UBND ngày 10/6/2013	28.001	999/QĐ-UBND ngày 10/8/2021	22.170,919	2.133,183000	0,000100	2.133,182900	
77	đường trục huyện Quế Võ (Đoạn QL18 đi trung tâm xã Đào Viên)	UBND huyện Quế Võ (Ban QLDA)	1916/QĐ-UBND ngày 26/10/2018	14.924	393/QĐ KHĐT, ngày 30/10/2018; 70/QĐ-SKHĐT ngày 04/5/2020	12.109	254 ngày 05/11/2021	9.508,554	3.734,636000	0,000030	3.734,635970	
78	Cải tạo, nâng cấp đường trục huyện Quế Võ (đoạn từ TL 279 qua thôn Đồng Chuế đi bến đò Cung Kiệt)	UBND huyện Quế Võ (Ban QLDA)	1357/QĐ-UBND ngày 04/10/2017	30.729	1505/QĐ-UBND ngày 25/10/2017	29.002	1597/QĐ-UBND ngày 16/12/2021	28.199,471	2.221,828000	7,701073	2.214,126927	
79	Hoàn trả hệ thống đường dân sinh, kênh mương do ảnh hưởng khi thực hiện dự án ĐTXD ĐT.287 đoạn QL18 đến cầu Yên Dũng, huyện Quế Võ	UBND huyện Quế Võ (Ban QLDA)	686/QĐ-UBND ngày 24/10/2019	13.833	415/QĐ-SKHĐT ngày 30/10/2019; 216/QĐ-SKHĐT ngày 16/6/2020; số 494/QĐ-KHĐT.ĐTG ngày 10/12/2020	12.616	160/QĐ-UBN D ngày 20/9/2022	11.460,311	9.512,162000	0,000618	9.512,161382	
80	Cải tạo, nâng cấp tuyến đường Đại Đồng Thành Thanh Khương huyện Thuận Thành	UBND huyện Thuận Thành (Ban QLDA)	QĐ số 152/TT-HĐND18 ngày 02/8/2018	85.264	1803/QĐ UBND, ngày 17/10/2018 (PDDA)	85.000	1932, 31/12/2020	68.085,564	14.581,059000	0,000600	14.581,058400	
81	Cải tạo nâng cấp tuyến đường từ đường dẫn phía Nam cầu Phật Tích Đại Đồng Thành đi qua thôn Á Lữ đến Lăng Kinh Dương Vương	UBND huyện Thuận Thành (Ban QLDA)	733/QĐ UBND, ngày 18/5/2018	24.783	215/QĐ UBND, ngày 25/02/2020 (PDDA đc)	24.729	1449/QĐ-UBND ngày 19/11/2021	23.107,295	3.817,227000	0,000677	3.817,226323	
82	Đường giao thông từ QL38 qua trung tâm điều dưỡng thương binh Thuận Thành đi QL17	UBND huyện Thuận Thành (Ban QLDA)	QĐ số 117/TT-HĐND18 ngày 27/6/2018	149.160	1931/QĐ UBND, ngày 26/10/2018	148.926	1211/QĐ-UBND ngày 05/10/2021	117.830,128	24.929,223000	0,000095	24.929,222905	

STT	Ngành, lĩnh vực/Dự án	Chủ đầu tư	Quyết định phê duyệt CTĐT		Quyết định đầu tư dự án		Quyết định phê duyệt QT		Kế hoạch ĐTC Ngân sách tỉnh trung hạn 2021-2025			Chi chú
			Số quyết định	TMDT	Số quyết định	TMDT	Số quyết định	Tổng giá trị QT	Ngự quyết 86/NQ-HĐND; 124/NQ-HĐND; 134/NQ-HĐND; 154/NQ-HĐND; 223/NQ-HĐND; 314/NQ-HĐND; 327/NQ-HĐND; 345/NQ-HĐND	Điều chỉnh giảm	Số sau điều chỉnh	
83	Dự án đầu tư xây dựng cải tạo, nâng cấp tuyến đường giao thông từ TL283 đi QL17 đoạn qua xã Tri Quả, huyện Thuận Thành	UBND huyện Thuận Thành (Ban QLDA)	1373/QĐ-UBND ngày 28/10/2016	44.748	72/QĐ-UBND ngày 25/01/2019	39.183	57/QĐ-UBND ngày 19/01/2024	31.326,756	3.120,934000	123,520000	2.997,414000	
84	Công viên Thị xã Từ Sơn	UBND thành phố Từ Sơn (Ban QLDA)	201/NQ-HĐND ngày 11/7/2019	96.000	1743/QĐ UBND, ngày 30/10/2019	73.396	514/QĐ-UBND ngày 10/5/2024	48.424,609	30.024,609000	0,000097	30.024,608903	
85	Dự án đầu tư xây dựng Bảo tàng, thư viện thị xã Từ Sơn	UBND thành phố Từ Sơn (Ban QLDA)	68/TTHĐND18 ngày 16/4/2018	150.476	1282/QĐ-UBND ngày 1/8/2018; 966/QĐ-UBND ngày 17/7/2020; 128/QĐ-UBND ngày 28/01/2022	149.639	1011/QĐ-UBND ngày 22/8/2023	126.443,953	29.211,397000	48,056000	29.163,341000	
86	Cải tạo, nâng cấp đường Cổng Bưởi - Cổng Nguyễn đoạn qua thành phố Bắc Ninh	UBND TP Bắc Ninh (Ban QLDA)			1314 08/10/2012	27.539	1322 ngày 29/10/2021	17.711,411	1.309,349000	1.309,349000	-	
87	Mở rộng lòng đường, vỉa hè QL38 đoạn từ cầu vượt Bồ Sơn đến Nhà máy chế biến thức ăn chăn nuôi Dabaco thành phố Bắc Ninh (giai đoạn 1)	UBND TP Bắc Ninh (Ban QLDA)	1697 03/10/2018	19.993	1882/QĐ UBND, ngày 26/10/2018 (PDDA)	19.463	1697/QĐ-UBND ngày 29/12/2021	11.263,220	654,220000	0,000800	654,219200	
88	Xây dựng mới đường nối từ TL.278 mới vào khu vực Chùa Dạm (đoạn 600m nối từ TL 278 cũ vào TL 278 mới)	UBND TP Bắc Ninh (Ban QLDA)	1455/QĐ-UBND ngày 16/10/2017; 71/QĐ-UBND ngày 10/02/2022	36.669	1523/QĐ UBND, ngày 27/10/2017; 240/QĐ-UBND ngày 10/3/2022	31.436	229/QĐ-UBND ngày 09/3/2023	23.364,749	4.713,000000	0,636200	4.712,363800	
89	Nút giao thông phía Tây Nam (giai đoạn 2), thành phố Bắc Ninh	UBND TP Bắc Ninh (Ban QLDA)			412/QĐ UBND, ngày 04/4/2018; 1300/QĐ-UBND ngày 25/10/2021	250.565	49/QĐ-UBND ngày 18/01/2024	210.733,622	31.354,268000	0,000100	31.354,267900	
90	Dự án ĐTXD các tuyến đường gom để giảm ùn tắc giao thông tại khu vực nút giao QL.1A – QL.38, thành phố Bắc Ninh (giai đoạn 1)	UBND TP Bắc Ninh (Ban QLDA)	131/NQ-HĐND 03/10/2018	129.999	1971/QĐ-UBND, ngày 30/10/2018	129.993	282/QĐ-UBND ngày 20/3/2024	95.023,743	18.511,872000	0,000500	18.511,871500	
91	Dự án đầu tư xây dựng tuyến nhánh giao thông hướng Lang Sơn đi Quảng Ninh thuộc nút giao QL.18 với QL.1A	UBND TP Bắc Ninh (Ban QLDA)	435/QĐ-UBND ngày 22/09/2020	9.056	79/QĐ-SKHĐT.ĐTG ngày 22/4/2021	8.696	13/QĐ-STC ngày 01/02/2024	6.822,806	6.822,806000	0,000500	6.822,805500	
92	trụ sở Viện kiểm sát nhân dân huyện Lương Tài, tỉnh Bắc Ninh	Viện kiểm sát nhân dân tỉnh			199/QĐ-VKSTC ngày 22/10/2020	27.158	4000/QĐ-VKS ngày 05/12/2023		13.000,000000	616,910000	12.383,090000	
93	trụ sở Viện kiểm sát nhân dân huyện Tiên Du, tỉnh Bắc Ninh	Viện kiểm sát nhân dân tỉnh			200/QĐ-VKSTC ngày 22/10/2020	23.122	3946/QĐ-VKS ngày 05/12/2023		11.000,000000	400,000000	10.600,000000	
II	Dự án đang triển khai thực hiện			3.617.117	-	3.522.066	-	34.419	1.957.688,536338	477.547,457968	1.480.141,078370	
1	Dự án ĐTXD công trình Xứ lý khẩn cấp sát lở khu vực bãi sông đoạn từ K49+300 đến K49+430 để hữu cầu thành phố BN	Ban QLDA ĐTXD các công trình Nông nghiệp và Phát triển nông thôn			122/QĐ-UBND ngày 06/02/2024; 691/QĐ-UBND ngày 15/8/2024	37.287			52.024,707000	14.740,637000	37.284,070000	
2	Đầu tư xây dựng tuyến kênh tưới, tiêu; Công trình phục vụ quản lý vận hành trạm bơm Tri Phương II.1 và Tri Phương II.2	Ban QLDA ĐTXD các công trình Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	160/NQ-HĐND ngày 27/10/2022	225.484	283/QĐ-UBND ngày 16/3/2023	225.484			175.000,000000	15.000,000000	160.000,000000	
3	Dự án Trạm bơm tiêu Ngọc Tri, huyện Lương Tài	Ban QLDA ĐTXD các công trình Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Phụ lục 15- Nghị quyết 169/NQ - HĐND ngày 17/4/2019; 26/NQ-HĐND ngày 16/7/2021; 334/NQ-HĐND ngày 27/9/2024	75.000	1801/QĐ - UBND, ngày 31/10/2019; 1432/QĐ-UBND ngày 15/11/2021; 1404/QĐ-UBND ngày 11/11/2024	75.000			68.000,000000	3.000,000000	65.000,000000	

STT	Ngành, lĩnh vực/Dự án	Chủ đầu tư	Quyết định phê duyệt CTBT		Quyết định đầu tư dự án		Quyết định phê duyệt QT		Kế hoạch ĐTC Ngân sách tính trung hạn 2021-2025			Ghi chú
			Số quyết định	TMDT	Số quyết định	TMDT	Số quyết định	Tổng giá trị QT	Nghị quyết 86/NQ-HĐND; 124/NQ-HĐND; 134/NQ-HĐND; 154/NQ-HĐND; 223/NQ-HĐND; 314/NQ-HĐND; 327/NQ-HĐND; 345/NQ-HĐND	Điều chỉnh giảm	Số sau điều chỉnh	
4	Xử lý ô nhiễm môi trường xã Tri Phương (giai đoạn 3)	Ban QLDA ĐTXD các công trình Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	1412/QĐ-UBND ngày 11/10/2017	7.612	421/QĐ KH.KTN, ngày 31/10/2018	7.367	203/QĐ-STC ngày 9/12/2024	5.002,218	202,756000	41,906000	160,850000	
5	Dự án Kè Đông Xuyên đoạn từ K32+906 K35+283 đê Hữu Cầu, huyện Yên Phong, tỉnh Bắc Ninh	Ban QLDA ĐTXD các công trình Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	1667/QĐ-UBND ngày 01/10/2018	58.995	1836/QĐ-UBND ngày 20/10/2018	58.995	BC thẩm tra QT: 243/BC-STC ngày 27/12/2024	29.416,577	6.589,739000	545,190500	6.044,548500	
6	Cải tạo, nâng cấp kênh tiêu Ngòi Tó, huyện Yên Phong, tỉnh Bắc Ninh	Ban QLDA ĐTXD các công trình Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	1118/QĐ-UBND ngày 19/8/2020	60.000	1271/QĐ-UBND ngày 19/10/2021	60.000			52.000,000000	7.000,000000	45.000,000000	
7	Cải tạo, nạo vét kênh tiêu Nội Trung đến trạm bơm Nghĩa Đạo, huyện Thuận Thành	Ban QLDA ĐTXD các công trình Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	279/NQ-HĐND ngày 17/7/2020	126.778					64.000,000000	54.000,000000	10.000,000000	
8	Dự án thành phần số 3: Sửa chữa, nâng cấp hệ thống Bắc Hưng Hải giai đoạn 2, tỉnh Bắc Ninh"	Sở Nông nghiệp và PTNT	3267/QĐ-BNN-KH ngày 22/7/2021; 4766/QĐ-BNN-KH ngày 08/12/2022 của Bộ Nông nghiệp và PTNT	440.000	2707/QĐ-BNN-TL ngày 05/7/2023; 3665/QĐ-BNN-TL ngày 28/10/2024	537.000			155.000,000000	55.000,000000	100.000,000000	
9	Đường tỉnh 279 (Phổ mới-Chì)	Ban Quản lý dự án xây dựng giao thông	1290/QĐ ngày 12/12/2014	242.118	1290/QĐ ngày 12/12/2014	242.118			30.633,172000	1.508,000000	29.125,172000	
10	Dự án đầu tư xây dựng công trình cải tạo, mở rộng và nâng cấp cầu Bồ Sơn, nút giao giữa QL.38 với QL.1A, thành phố Bắc Ninh	Ban Quản lý dự án xây dựng giao thông	131/NQ-HĐND ngày 3/10/18	128.039	1966/QĐ-UBND ngày 30/10/2018	127.824			32.823,000000	4.823,000000	28.000,000000	
11	Dự án ĐTXD tuyến ĐT.285B mới, đoạn nối QL.17 với QL.38 trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh; giai đoạn I,II: đoạn từ ĐT.281 đến ĐT.285 lý trình từ Km4+00 đến Km7+00 và đoạn từ ĐT.280 mới đến QL.38 lý trình từ Km15+00 đến Km22+500 huyện Lương Tài - Thuận Thành, tỉnh Bắc Ninh	Ban Quản lý dự án xây dựng giao thông	131/NQ-HĐND ngày 3/10/18	432.300	1928/QĐ-UBND ngày 26/10/2018 (Giai đoạn I, II); 1744/QĐ-UBND ngày 31/12/2021	428.354			272.000,000000	45.000,000000	227.000,000000	
12	Dự án ĐTXD bổ sung cầu Đồng Xếp 2, nút giao giữa QL.1A với ĐT.287, tỉnh Bắc Ninh	Ban Quản lý dự án xây dựng giao thông	131/NQ-HĐND ngày 3/10/18	115.014	1930/QĐ ngày 26/10/2018	110.941			54.000,000000	13.254,000000	40.746,000000	
13	Đầu tư xây dựng đường TL.287 đoạn từ QL.38 mới, huyện Tiên Du đến QL.18, huyện Quế Võ, tỉnh Bắc Ninh	Ban Quản lý dự án xây dựng giao thông	131/NQ-HĐND ngày 3/10/18	377.656	1915/QĐ ngày 26/10/2018; 245/QĐ-UBND ngày 14/3/2022	377.651			164.224,535000	15.085,000000	149.139,535000	
14	Dự án ĐTXD cải tạo, nâng cấp đường TL.284 đoạn từ Lăng Ngâm - Thị trấn Thứa, huyện Gia Bình và Lương Tài, tỉnh Bắc Ninh	Ban Quản lý dự án xây dựng giao thông	274/TT-HĐND 18 ngày 27/10/2017; 217/NQ-HĐND ngày 07/7/2023	313.810	1840/QĐ ngày 22/10/2018; 1112/QĐ-UBND ngày 21/9/2023	313.632			200.000,000000	47.000,000000	153.000,000000	
15	Đầu tư xây dựng cải tạo, mở rộng cầu Đại Phúc và đường dẫn hai đầu cầu, thành phố Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh	Ban Quản lý dự án xây dựng giao thông	335/NQ-HĐND ngày 27/9/2024	279.294					140.213,161338	40.213,000000	100.000,161338	

STT	Ngành, lĩnh vực/Dự án	Chủ đầu tư	Quyết định phê duyệt CTĐT		Quyết định đầu tư dự án		Quyết định phê duyệt QT		Kế hoạch ĐTC Ngân sách tỉnh trung hạn 2021-2025			Ghi chú
			Số quyết định	TMBĐT	Số quyết định	TMBĐT	Số quyết định	Tổng giá trị QT	Ngị quyết 86/NQ-HĐND; 124/NQ-HĐND; 134/NQ-HĐND; 154/NQ-HĐND; 223/NQ-HĐND; 314/NQ-HĐND; 327/NQ-HĐND; 345/NQ-HĐND	Điều chỉnh giảm	Số sau điều chỉnh	
16	Đường vào Trung tâm đào tạo bóng chày tỉnh Bắc Ninh (đoạn từ đường Hàn Thuyên đến đường Lê Văn Thịnh)	Ban Quản lý khu vực phát triển đô thị	764/QĐ-UBND ngày 24/5/2018; 568/QĐ-UBND ngày 27/12/2021; 554/QĐ-UBND ngày 19/12/2022	24.712	1723/QĐ-UBND, ngày 05/10/2018; 1120/QĐ-UBND ngày 15/9/2021; 112/QĐ-UBND ngày 25/01/2022; 1679/QĐ-UBND ngày 28/12/2022	24.712			13.000,000000	1.600,000000	11.400,000000	
17	Tuyến đường nối đường Hàn Thuyên và đường Dấu Mã, thành phố Bắc Ninh	Ban Quản lý khu vực phát triển đô thị	1813/QĐ-UBND ngày 18/10/2018; 252/QĐ-UBND ngày 06/8/2021; 553/QĐ-UBND ngày 19/12/2022	37.577	1912/QĐ UBND, ngày 26/10/2018; 1678/QĐ-UBND ngày 28/12/2022	36.041			16.000,000000	4.040,000000	11.960,000000	
18	Đường Kinh Dương Vương (qua tòa nhà Điện lực)	Ban Quản lý khu vực phát triển đô thị			1026/QĐ-UBND ngày 30/9/2014	83.405			17.000,000000	17.000,000000	-	
19	Trụ sở các Ban Đảng tỉnh Bắc Ninh.	Ban Quản lý khu vực phát triển đô thị	169/NQ-HĐND ngày 17/4/2019; 129/NQ-HĐND ngày 15/6/2022	68.861	848/QĐ-UBND ngày 05/6/2019; 732/QĐ-UBND ngày 27/7/2022	68.861			15.000,000000	3.216,889000	11.783,111000	
20	Cải tạo, sửa chữa trụ sở làm việc Tỉnh ủy Bắc Ninh	Ban Quản lý khu vực phát triển đô thị	254/QĐ-UBND ngày 10/8/2021; 610/QĐ-UBND ngày 20/12/2023	29.986	1653/QĐ-UBND ngày 28/12/2021	29.984			29.983,665000	1.000,000000	28.983,665000	
21	Xử lý sạt lở bờ, bãi sông Đuống tương ứng đoạn từ K48+500 - K51+300 để hữu Đuống, huyện Gia Bình, tỉnh Bắc Ninh	Chi cục Thủy lợi	1009/QĐ-UBND ngày 24/7/2020	79.000	956/QĐ-UBND ngày 03/8/2021	70.261			50.000,000000	1.700,000000	48.300,000000	
22	Kè Việt Thống huyện Quế Võ (giai đoạn 2)	Chi cục Thủy lợi	972/QĐ-UBND ngày 21/7/2020	45.000	1569/QĐ-UBND ngày 18/11/2020	39.666			35.000,000000	2.200,000000	32.800,000000	
23	Xây dựng kè hộ bờ tương ứng đoạn từ K44+300 - K45+700 để hữu Cầu, xã Tam Đa, huyện Yên Phong	Chi cục Thủy lợi	1008/QĐ-UBND ngày 24/7/2020	72.000	1345/QĐ-UBND ngày 30/9/2020	71.657			71.000,000000	800,000000	70.200,000000	
24	Cải tạo sông Ngũ huyện Khê (BĐ)	Công ty TNHH MTV KTCTTL Bắc Đuống			1526/QĐ-UBND ngày 11/12/2015	249.880			9.953,640000	4.585,810000	5.367,830000	
25	Dự án Lập bản đồ, cắm mốc hướng tuyến đường dây và vị trí trạm biến áp 110kV trở lên theo điều chỉnh bổ sung Quy hoạch phát triển điện lực tỉnh Bắc Ninh giai đoạn 2016-2025, có xét đến 2035	Sở Công thương	256/QĐ-UBND ngày 06/7/2023; 539/QĐ-UBND ngày 10/10/2024	9.161					14.000,000000	6.000,000000	8.000,000000	
26	Trùng tu, tôn tạo khu di tích Chùa Dâu, huyện Thuận Thành	UBND huyện Thuận Thành (Ban QLDA)			698/QĐ-UBND ngày 20/6/2011; 1221/QĐ UBND, ngày 05/9/2017 (PDDA đc)	79.756			42.000,000000	41.857,237368	142,762632	
27	Đường giao thông từ QL38 qua trung tâm điều dưỡng thương binh Thuận Thành đi QL.17 (giai đoạn 2)	Ban QL các DAXD thị xã Thuận Thành	297/NQ-HĐND ngày 17/7/2020	196.134					114.000,000000	64.000,000000	50.000,000000	
28	ĐTXD cải tạo nâng cấp tuyến đường từ ngã tư Nghĩa trang liệt sỹ xã Văn Môn đi Đông Anh	UBND huyện Yên Phong (Ban QLDA)	669/QĐ-UBND ngày 18/10/2019	32.860	1777/QĐ UBND, ngày 31/10/2019	29.377			10.000,000000	1.800,000000	8.200,000000	
29	Dự án ĐTXD Đường Lý Tự Trọng (đoạn từ ĐT.295B đến đường Nguyễn Phi Ý Lan), thị xã Từ Sơn	UBND thành phố Từ Sơn (Ban QLDA)	1879/QĐ-UBND ngày 25/10/2018	55.071	1967/QĐ UBND, ngày 30/10/2018	52.540			12.850,161000	7.536,788100	5.313,372900	

STT	Ngành, lĩnh vực/Dự án	Chủ đầu tư	Quyết định phê duyệt CTĐT		Quyết định đầu tư dự án		Quyết định phê duyệt QT		Kế hoạch ĐTC Ngân sách tỉnh trung hạn 2021-2025			Ghi chú
			Số quyết định	TMĐT	Số quyết định	TMĐT	Số quyết định	Tổng giá trị QT	Nghị quyết 86/NQ-HĐND; 124/NQ-HĐND; 134/NQ-HĐND; 154/NQ-HĐND; 223/NQ-HĐND; 314/NQ-HĐND; 327/NQ-HĐND; 345/NQ-HĐND	Điều chỉnh giảm	Số sau điều chỉnh	
30	Dự án ĐTXD Cải tạo, nâng cấp ĐT.277 đoạn từ Phú Đông đến QL.1A (địa phận xã Phú Chấn, thị xã Từ Sơn)	UBND thành phố Từ Sơn (Ban QLDA)	131/NQ-HĐND ngày 03/10/2018	84.657	1968/QĐ UBND, ngày 30/10/2018; 1080/QĐ-UBND ngày 30/8/2021	84.275			41.190,000000	4.000,000000	37.190,000000	
III	Vốn chuẩn bị đầu tư chưa chi tiết								47.000,000000	47.000,000000	-	
C	Dự án thuộc nhiệm vụ chi cấp huyện			125.482		120.013			55.000,000000	10.475,228635	44.524,771365	
1	Dự án đầu tư xây dựng đường trục huyện Quế Võ đoạn từ QL18 đi xã Phú Lương	UBND huyện Quế Võ (Ban QLDA)	1740/QĐ -UBND ngày 9/10/2018; 540/QĐ -UBND ngày 16/12/2021; 523/QĐ -UBND ngày 28/11/2022	59.982	1917/QĐ UBND, ngày 26/10/2018; 1659/QĐ-UBND ngày 28/12/2021; 1405/QĐ-UBND ngày 29/11/2022	59.935			17.000,000000	7.328,053635	9.671,946365	
2	Dự án đầu tư xây dựng đường giao thông từ Khu công nghiệp Khai Sơn đi đường tránh QL.17, huyện Thuận Thành	UBND huyện Thuận Thành (Ban QLDA)	Phụ lục 19 - Nghị quyết 201/NQ - HĐND, ngày 11/7/2019	65.500	1811/QĐ UBND, ngày 31/10/2019	60.077			38.000,000000	3.147,175000	34.852,825000	

PHỤ LỤC 03: DANH MỤC DỰ ÁN SỬ DỤNG NGUỒN CẢI CÁCH TIỀN LƯƠNG CHO ĐẦU TƯ

(Kèm theo Quyết định số 70/QĐ-UBND ngày 07 tháng 02 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Ngành, lĩnh vực/Dự án	Chủ đầu tư	Quyết định phê duyệt CTĐT			Quyết định đầu tư dự án			Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 (Nguồn NSDP)			Điều chỉnh tăng hạn mức trung hạn 21-25 (Nguồn NSDP)		Điều chỉnh nguồn vốn kế hoạch đầu tư công năm 2025 (Nguồn NSDP)			Kế hoạch trung hạn 21-25 Nguồn NSDP (sau điều chỉnh)		Ghi chú	
			Số quyết định	TMDT	Trong đó: NSDP	Số quyết định	TMDT	Trong đó: NSDP	Số kế hoạch	Số đã phân bổ	Hạn mức trung hạn còn lại	Tổng số	Trong đó: Nguồn cải cách tiền lương	Tổng số	Trong đó:		Tổng số	Trong đó: Nguồn cải cách tiền lương		
															Nguồn XDCB tập trung	Nguồn tiết kiệm chi thường xuyên tăng thêm để bổ sung nguồn vốn đầu tư công				Nguồn Cải cách tiền lương
TỔNG CỘNG				2.147.306	1.247.306		7.296.152	4.286.152	2.803.000	2.090.356	712.644	361.000	361.000	677.087,1665	2.546,4000	200.209,1665	298.000,0000	3.164.000,0000	1.371.644,3447	
A	DỰ ÁN SỬ DỤNG VỐN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG VÀ NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG ĐỐI ƯNG			1.496.000	596.000		6.768.064	3.758.064	2.381.000	1.783.297	597.703	361.000	361.000	677.087,1665	2.546,4000	200.209,1665	298.000,0000	2.742.000,0000	1.256.703,2842	
1	Dự án thành phần 2.3: Đầu tư hệ thống đường đô thị song hành thuộc địa phận tỉnh Bắc Ninh	Ban QLDAXD Giao thông				538/QĐ-UBND ngày 28/4/2023	2.794.000	2.794.000	1.630.000	1.572.296	57.703,604	361.000,0000	361.000	498.209,1665	-	200.209,1665	298.000,0000	1.991.000,0000	716.703,6045	
2	Dự án thành phần 1.3: Bãi thường, hỗ trợ, tái định cư (bao gồm hệ thống đường cao tốc, đường song hành (đường đô thị), hạ tầng kỹ thuật)	Ban QLDAXD Giao thông				426/QDD-UBND ngày 06/4/2023; 852/QĐ-UBND ngày 10/7/2024	2.479.955	369.955	370.000	100.000	270.000,0000	-	-	100.000,0000	2.546,4000	-	-	370.000,0000	270.000,0000	
3	Đầu tư các tuyến đường tỉnh ĐT.295C, ĐT.285B kết nối thành phố Bắc Ninh qua các khu công nghiệp với QL.3 mới; ĐT.277B kết nối với cầu Hà Bắc 2, đường Vành đai 4	Ban Quản lý khu vực phát triển đô thị	84/NQ-HĐND ngày 08/12/2021; 119/NQ-HĐND ngày 30/3/2022; 126/NQ-HĐND ngày 15/6/2022; 278/NQ-HĐND ngày 02/4/2024	1.496.000	596.000	976/QĐ-UBND ngày 03/10/2022; 1172/QĐ-UBND ngày 26/9/2024	1.494.109	594.109	381.000	111.000	269.999,630	-	-	78.878,0000	-	-	-	381.000,0000	269.999,6797	
B	DỰ ÁN CẤP TỈNH QUẢN LÝ			651.306	651.306		528.088	528.088	422.000	307.059	114.941	0	0					422.000,0000	114.941,0605	
4	Đầu tư xây dựng đường ĐT.285B (đoạn từ ĐT.295, xã Đông Tiến đến QL.3 mới, huyện Yên Phong) và nút giao hoàn chỉnh nối ĐT.285B với QL.3 mới	Ban QLDAXD Giao thông	85/NQ-HĐND ngày 08/12/2021; 277/NQ-HĐND ngày 02/4/2024; 358/NQ-HĐND ngày 08/11/2024	651.306	651.306	291/QĐ-UBND ngày 28/3/2022; 423/QĐ-UBND ngày 19/4/2024	528.088	528.088	422.000	307.059	114.941,061							422.000,0000	114.941,0605	

PHỤ LỤC 04: DANH MỤC ĐIỀU CHỈNH TĂNG HẠN MỨC KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG TRUNG HẠN GIAI ĐOẠN 2021-2025

(Kèm theo Quyết định số 70 /QĐ-UBND ngày 07 tháng 02 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh)

DVT: Triệu đồng

STT	Ngành, lĩnh vực/Dự án	Chủ đầu tư	Thời gian thực hiện	Quyết định phê duyệt CTĐT		Quyết định đầu tư dự án		Kế hoạch ĐTC Ngân sách tỉnh trung hạn 2021-2025			Ghi chú
				Số quyết định	TMBT	Số quyết định	TMBT	Nghị quyết 86/NQ-HĐND; 124/NQ-HĐND; 134/NQ-HĐND; 154/NQ-HĐND; 223/NQ-HĐND; 314/NQ-HĐND; 327/NQ-HĐND; 345/NQ-HĐND	Điều chỉnh tăng	Số sau điều chỉnh	
TỔNG CỘNG					2.661.652	-	3.103.031	1.060.902,000	315.066,620	1.375.968,620	
1	Cứng hóa kênh tiêu Đồng khởi thuộc hệ thống thủy nông Nam Đuống	Ban QLDA ĐTXD các công trình Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Đến hết năm 2024	1752/QĐ-UBND ngày 30/10/2019	99.954	1752/QĐ-UBND ngày 30/10/2019; 818/QĐ-UBND ngày 05/7/2024	99.954	62.000,000	16.000,000	78.000,000	
2	Cứng hóa kênh Nam đoạn K8+700-K14+100	Ban QLDA ĐTXD các công trình Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	2021-2024	60/NQ-HĐND ngày 29/9/2021; 147/NQ-HĐND ngày 26/8/2022	116.429	1683/QĐ-UBND ngày 28/12/2021; 948/QĐ-UBND ngày 26/9/2022	116.429	103.000,000	9.000,000	112.000,000	
3	Nâng cấp tuyến đê hữu Đuống, tỉnh Bắc Ninh	Ban QLDA ĐTXD các công trình Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	2011-2022	565/QĐ-UBND, 23/5/2011	928.100	565/QĐ-UBND ngày 23/5/2011	928.100	150.000,000	80.000,000	230.000,000	
4	Xây dựng tuyến kênh mới từ cống Nội Lạc Nhuế đến bể hút trạm bơm Vạn An, tỉnh Bắc Ninh	Ban QLDA ĐTXD các công trình Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Hoàn thành trong năm 2025	1675/QĐ-UBND ngày 01/10/2018; 230/QĐ-UBND ngày 23/7/2021; 574/QĐ-UBND ngày 16/10/2024	50.000	1837/QĐ-UBND ngày 20/10/2019; 916/QĐ-UBND ngày 26/7/2021	50.000	13.000,000	4.000,000	17.000,000	
5	Đầu tư xây dựng cầu Nét (lý trình K77+00) đường ĐT 295 đoạn Yên Phong Từ sơn	Ban Quản lý dự án xây dựng giao thông				1895/QĐ ngày 26/10/2018; 1745/QĐ-UBND ngày 31/12/2021; 578/QĐ-UBND ngày 22/5/2024	119.787	76.000,000	12.000,000	88.000,000	

STT	Ngành, lĩnh vực/Dự án	Chủ đầu tư	Thời gian thực hiện	Quyết định phê duyệt CTĐT		Quyết định đầu tư dự án		Kế hoạch ĐTC Ngân sách tỉnh trung hạn 2021-2025			Ghi chú
				Số quyết định	TMĐT	Số quyết định	TMĐT	Nghị quyết 86/NQ-HĐND; 124/NQ-HĐND; 134/NQ-HĐND; 154/NQ-HĐND; 223/NQ-HĐND; 314/NQ-HĐND; 327/NQ-HĐND; 345/NQ-HĐND	Điều chỉnh tăng	Số sau điều chỉnh	
6	Đường dẫn phía Bắc từ ĐT,276 đến đầu cầu Phật Tích - Đại Đồng Thành, địa phận huyện Tiên Du	Ban Quản lý dự án xây dựng giao thông		142/NQ-HĐND18 ngày 29/7/2016; 196/NQ-HĐND ngày 12/4/2023	214.046	954/QĐ ngày 9/8/2016; 517/QĐ-UBND ngày 01/4/2019; 2100/QĐ ngày 23/12/2019; 1298/QĐ-UBND ngày 25/10/2021	214.046	24.000,000	14.100,000	38.100,000	
7	Hệ thống chiếu sáng ĐT.276 (Yên Phong-Tiên Du)	Ban Quản lý dự án xây dựng giao thông		118/QĐ-UBND ngày 05/4/2021; 547/QĐ-UBND ngày 11/10/2024	20.031			10.000,000	4.000,000	14.000,000	
8	Tuyến đường H thành phố Bắc Ninh (đoạn từ nút giao với đường Kinh Dương Vương đến Hồ điều hòa)	Ban Quản lý khu vực phát triển đô thị		93/TTHĐND17 ngày 5/6/2015; 355/NQ-HĐND ngày 12/4/2021	254.908	716/QĐ-UBND ngày 02/7/2015; 1666/QĐ-UBND ngày 12/12/2024	254.908	173.000,000	24.000,000	197.000,000	
9	Đường vào nhà hát dân ca quan họ Bắc Ninh (đoạn từ nối tiếp đường Lạc Long Quân qua nhà hát đến đường bê tông Hữu Chấp, xã Hòa Long, TP Bắc Ninh)	Ban Quản lý khu vực phát triển đô thị		234/TT HĐND18 ngày 15/9/2017; 103/NQ-HĐND ngày 08/12/2021	319.448	1559/QĐ-UBND ngày 30/10/2017; 1651/QĐ-UBND ngày 27/12/2021	316.505	128.000,000	40.000,000	168.000,000	
10	KCH kênh Nam Trịnh Xá đoạn từ K1+645 - K2+845	Công ty TNHH MTV KTCTTL Bắc Đuống				1666/QĐ-UBND, ngày 18/11/08; 1835/QĐ-UBND ngày 08/12/2009	5.302	-	593,407	593,407	
11	Xây dựng trạm bơm tiêu Phúc Lộc thuộc khu tiêu Phả Lại huyện Quế Võ (Giai đoạn 2)	Công ty TNHH MTV KTCTTL Bắc Đuống		1131/QĐ-UBND ngày 16/9/2016		1354/QĐ-UBND; 27/10/2016	48.142	7.902,000	969,949	8.871,949	
12	Cải tạo, sửa chữa nhà lớp học 3 tầng trường THPT Hoàng Quốc Việt	Sở Giáo dục đào tạo		643/QĐ - UBND, ngày 14/10/2019; 570/QĐ-UBND ngày 16/10/2024	10.885	390/QĐ-KHĐT ngày 30/10/2019	4.846	4.000,000	6.000,000	10.000,000	

STT	Ngành, lĩnh vực/Dự án	Chủ đầu tư	Thời gian thực hiện	Quyết định phê duyệt CTĐT		Quyết định đầu tư dự án		Kế hoạch ĐTC Ngân sách tính trung hạn 2021-2025			Ghi chú
				Số quyết định	TMBT	Số quyết định	TMBT	Nghị quyết 86/NQ-HĐND; 124/NQ-HĐND; 134/NQ-HĐND; 154/NQ-HĐND; 223/NQ-HĐND; 314/NQ-HĐND; 327/NQ-HĐND; 345/NQ-HĐND	Điều chỉnh tăng	Số sau điều chỉnh	
13	Cải tạo, sửa chữa Nhà hiệu bộ 3 tầng và xây dựng nhà cầu nổi trường THPT Lý Thường Kiệt	Sở Giáo dục đào tạo		646/QĐ - UBND, ngày 15/10/2019; 571/QĐ-UBND ngày 16/10/2024	8.644	391/QĐ-KHĐT ngày 30/10/2019	7.841	6.000,000	2.000,000	8.000,000	
14	Cải tạo, sửa chữa Nhà học chức năng 4 tầng và nhà đa năng trường THPT Lý Thái Tô	Sở Giáo dục đào tạo		675/QĐ - UBND, ngày 22/10/2019; 572/QĐ-UBND ngày 16/10/2024	12.510	392/QĐ-KHĐT ngày 30/10/2019	4.990	4.000,000	7.000,000	11.000,000	
15	Nhà hiệu bộ 3 tầng trường THPT Thuận Thành số 2	Sở Giáo dục đào tạo		683/QĐ - UBND, ngày 24/10/2019; 573/QĐ-UBND ngày 16/10/2024	14.999	395/QĐ-KHĐT ngày 30/10/2019	14.139	11.000,000	2.000,000	13.000,000	
16	Dự án đầu tư xây dựng hệ thống mạng đường ống cấp nước tập trung cụm xã Thụy Hòa, Dũng Liệt, huyện Yên Phong	Trung tâm Nước sạch và VSMTNT Bắc Ninh		10/QĐ-UBND, 07/01/2019	19.490	932/QĐ UBND, ngày 24/6/2019	19.248	8.000,000	4.724,036	12.724,036	
17	Dự án thay đổi nguồn nước ngầm sang sử dụng nước mặt và nâng công suất trạm cấp nước sạch xã Song Hồ, huyện Thuận Thành.	Trung tâm Nước sạch và VSMTNT Bắc Ninh		2145/QĐ-UBND, 20/11/2018; 565/QĐ-UBND ngày 24/12/2021	52.813	1720/QĐ UBND ngày 30/10/ 2019; 255/QĐ-UBND ngày 03/3/ 2021; 1679/QĐ-UBND ngày 28/12/ 2021	39.446	28.000,000	7.785,000	35.785,000	
18	Trụ sở làm việc Đảng ủy, HĐND, UBND xã Lạc Vệ, huyện Tiên Du	UBND huyện Tiên Du (Ban QLDA)	2016-2018	946/QĐ-UBND ngày 08/08/2016	34.963	1195/QĐ-UBND ngày 29/9/2016	34.380		2.479,228	2.479,228	

STT	Ngành, lĩnh vực/Dự án	Chủ đầu tư	Thời gian thực hiện	Quyết định phê duyệt CTĐT		Quyết định đầu tư dự án		Kế hoạch ĐTC Ngân sách tỉnh trung hạn 2021-2025			Ghi chú
				Số quyết định	TMĐT	Số quyết định	TMĐT	Nghị quyết 86/NQ-HĐND; 124/NQ-HĐND; 134/NQ-HĐND; 154/NQ-HĐND; 223/NQ-HĐND; 314/NQ-HĐND; 327/NQ-HĐND; 345/NQ-HĐND	Điều chỉnh tăng	Số sau điều chỉnh	
19	Dự án đầu tư xây dựng đường TL.282B đoạn qua huyện Thuận Thành từ QL.38 đi TL.283	UBND huyện Thuận Thành (Ban QLDA)	2023-2026	211/NQ - HĐND, ngày 29/10/2019; 203/NQ-HĐND ngày 12/4/2023	385.039	2090/QĐ-UBND ngày 24/10/2023	385.039	217.000,000	50.000,000	267.000,000	
20	trụ sở Huyện ủy huyện Yên Phong	UBND huyện Yên Phong (Ban QLDA)				219, ngày 18/3/2014	66.204	-	2.300,000	2.300,000	
21	Khu đền thờ Lý Thường Kiệt, xã Tam Giang, huyện Yên Phong	UBND huyện Yên Phong (Ban QLDA)				1266,29/10/2015; 1356/QĐ-UBND ngày 28/10/2016; 360/QĐ-UBND ngày 20/3/2020;	254.330	18.000,000	19.115,000	37.115,000	
22	Hội trường trung tâm huyện Yên Phong.	UBND huyện Yên Phong (Ban QLDA)		106/TT HĐND 18 ngày 05/5/2017; 340/NQ-HĐND ngày 27/9/2024	119.393	1540/QĐ-UBND, ngày 27/10/2017; 1221/QĐ-UBND ngày 06/10/2021	119.393	18.000,000	7.000,000	25.000,000	

PHỤ LỤC 05: DANH MỤC DỰ ÁN KHẨN CẤP BỔ SUNG VÀO KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG TRUNG HẠN GIAI ĐOẠN 2021-2025

(Kèm theo Quyết định số 70/QĐ-UBND ngày 07 tháng 02 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Dự án	Chủ đầu tư	Quyết định phê duyệt dự án		Kế hoạch trung hạn 2021-2025	Ghi chú
			Số, ngày tháng	TMĐT		
	TỔNG CỘNG			29.099,627	25.000,000	
I	Các hoạt động kinh tế			29.099,627	25.000,000	
	Lĩnh vực nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy lợi và thủy sản			29.099,627	25.000,000	
1	Xử lý khẩn cấp sự cố sạt lở bờ, bãi sông đoạn từ K49+710 đến K49+840 đê hữu Cầu, phường Vạn An, thành phố Bắc Ninh	Ủy ban nhân dân thành phố Bắc Ninh	1399/QĐ-UBND ngày 11/11/2024	29.099,627	25.000,000	Dự án đã được UBND tỉnh phân bổ số tiền 25 tỷ đồng tại Quyết định số 810/QĐ-UBND ngày 31/12/2024 từ nguồn dự phòng ngân sách tỉnh.

PHỤ LỤC 06: DANH MỤC ĐIỀU CHỈNH, CẬP NHẬT THÔNG TIN, SỐ LIỆU DỰ ÁN TRONG KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG TRUNG HẠN GIAI ĐOẠN 2021-2025

(Kèm theo Quyết định số 70/QĐ-UBND ngày 07 tháng 02 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Thông tin, số liệu của dự án tại Nghị quyết 86/NQ-HĐND; 124/NQ-HĐND; 134/NQ-HĐND; 154/NQ-HĐND; 223/NQ-HĐND; 314/NQ-HĐND; 327/NQ-HĐND; 345/NQ-HĐND			Thông tin, số liệu của dự án sau điều chỉnh				Nội dung điều chỉnh cập nhật	Ghi chú	
	Tên dự án	Nghị quyết/Quyết định phê duyệt CTĐT		Thời gian thực hiện	Tên dự án	Nghị quyết/Quyết định phê duyệt CTĐT				Thời gian thực hiện
		Số, ngày, tháng năm	TMDT			Số, ngày, tháng năm	TMDT			
A	Dự án cấp tỉnh quản lý		3.447.516				3.663.986			
1	Dự án đầu tư xây dựng đường giao thông từ TL.277 đến khu lưu niệm đồng chí Nguyễn Văn Cừ, thị xã Từ Sơn (đoạn từ UBND phường Trang Hạ đi khu lưu niệm đồng chí Nguyễn Văn Cừ).	190/NQ-HĐND ngày 11/7/2019	466.300	2019-2024	Dự án đầu tư xây dựng đường giao thông từ TL.277 đến khu lưu niệm đồng chí Nguyễn Văn Cừ, thành phố Từ Sơn (đoạn từ UBND phường Trang Hạ đi khu lưu niệm đồng chí Nguyễn Văn Cừ).	190/NQ-HĐND ngày 11/7/2019; 359/NQ-HĐND ngày 08/11/2024	466.300	Năm 2020-2024, tiếp đến năm 2025	Cập nhật tên và thời gian thực hiện dự án	
2	Đầu tư xây dựng đường ĐT.285B (đoạn từ ĐT.295, xã Đông Tiến đến QL.3 mới, huyện Yên Phong) và nút giao hoàn chỉnh nối ĐT.285B với QL.3 mới	85/NQ-HĐND ngày 08/12/2021; 277/NQ-HĐND ngày 02/4/2024	528.300	Năm 2021-2023 và tiếp đến 2025	Đầu tư xây dựng đường ĐT.285B (đoạn từ ĐT.295, xã Đông Tiến đến QL.3 mới, huyện Yên Phong) và nút giao hoàn chỉnh nối ĐT.285B với QL.3 mới	85/NQ-HĐND ngày 08/12/2021; 277/NQ-HĐND ngày 02/4/2024; 358/NQ-HĐND ngày 08/11/2024	651.306	Năm 2021-2023 và tiếp đến 2026	Cập nhật TMDT và thời gian thực hiện dự án	
3	Dự án ĐTXD đường TL 287 đoạn Hoàn Sơn đến nút giao đường dẫn phía Bắc Cầu Phật Tích - Đại Đồng Thành (Km5+00 - Km8+650), huyện Tiên Du	Phụ lục 9 - Nghị quyết 169/NQ - HĐND ngày 17/4/2019	350.000	2019-2023	Dự án ĐTXD đường TL 287 đoạn Hoàn Sơn đến nút giao đường dẫn phía Bắc Cầu Phật Tích - Đại Đồng Thành (Km5+00 - Km8+650), huyện Tiên Du	Phụ lục 9 - Nghị quyết 169/NQ - HĐND ngày 17/4/2019; 360/NQ-HĐND ngày 08/11/2024	350.000	Năm 2019-2023, tiếp đến năm 2025	Cập nhật thời gian thực hiện dự án	
4	Dự án ĐTXD tuyến ĐT.285B mới, đoạn nối QL.17 với QL.38 trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh; giai đoạn I, II: đoạn từ ĐT.281 đến ĐT.285 lý trình từ Km4+00 đến Km7+00 và đoạn từ ĐT.280 mới đến QL.38 lý trình từ Km15+00 đến Km22+500 huyện Lương Tài - Thuận Thành, tỉnh Bắc Ninh	131/NQ-HĐND ngày 3/10/18	432.300	Đến hết năm 2023	Dự án đầu tư xây dựng ĐT.285B mới, đoạn từ ĐT.281 đến ĐT.285 (lý trình từ Km4+00 đến Km7+00) và đoạn từ ĐT.280 mới đến QL.38 (lý trình từ Km15+00 đến Km22+500), huyện Lương Tài và thị xã Thuận Thành, tỉnh Bắc Ninh	131/NQ-HĐND ngày 3/10/2018; 90/NQ-HĐND ngày 08/12/2021; 363/NQ-HĐND ngày 08/11/2024	428.355	Năm 2018-2022, đến hết năm 2026	Cập nhật tên, TMDT và thời gian thực hiện dự án	
5	Tuyến đường H thành phố Bắc Ninh (đoạn từ nút giao với đường Kinh Dương Vương đến Hồ điều hòa)	93/TTHĐND17 ngày 5/6/2015; 355/NQ-HĐND ngày 12/4/2021	254.908	2015-2024	Tuyến đường H thành phố Bắc Ninh (đoạn từ nút giao với đường Kinh Dương Vương đến Hồ điều hòa)	93/TTHĐND17 ngày 5/6/2015; 355/NQ-HĐND ngày 12/4/2021; 364/NQ-HĐND ngày 08/11/2024	254.908	2015-2018, tiếp đến hoàn thành trong năm 2025	Cập nhật thời gian thực hiện dự án	
6	Dự án thay đổi nguồn nước ngầm sang sử dụng nước mặt và nâng công suất trạm cấp nước sạch xã Song Hồ, huyện Thuận Thành.	2145/QĐ-UBND, 20/11/2018; 565/QĐ-UBND ngày 24/12/2021	52.813	Đến hết tháng 8/2022	Dự án Thay đổi nguồn nước ngầm sang sử dụng nước mặt và nâng công suất trạm cấp nước sạch phường Song Hồ, thị xã Thuận Thành	2145/QĐ-UBND, 20/11/2018; 565/QĐ-UBND ngày 24/12/2021; 644/QĐ-UBND ngày 07/11/2024	52.813	Hoàn thành tháng 9 năm 2025	Cập nhật tên và thời gian thực hiện dự án	
7	Đường vào nhà hát dân ca quan họ Bắc Ninh (đoạn từ nối tiếp đường Lạc Long Quân qua nhà hát đến đường bê tông Hữu Chấp, xã Hòa Long, TP Bắc Ninh)	234/TT-HĐND18 ngày 15/9/2017; 103/NQ-HĐND ngày 08/12/2021	319.448	2017-2021; tiếp đến năm 2023	Đường vào nhà hát dân ca quan họ Bắc Ninh (đoạn từ nối tiếp đường Lạc Long Quân qua nhà hát đến đường bê tông Hữu Chấp, xã Hòa Long, TP Bắc Ninh)	234/TT-HĐND18 ngày 15/9/2017; 103/NQ-HĐND ngày 08/12/2021; 355/NQ-HĐND ngày 22/10/2024	319.448	2017-2021; tiếp đến năm 2025	Cập nhật thời gian thực hiện dự án	
8	Dự án ĐTXD hạ tầng kỹ thuật trung tâm thể dục thể thao tỉnh Bắc Ninh	281/NQ-HĐND ngày 17/7/2020	87.945	2021-2024	Dự án ĐTXD hạ tầng kỹ thuật trung tâm thể dục thể thao tỉnh Bắc Ninh	281/NQ-HĐND ngày 17/7/2020; 365/NQ-HĐND ngày 08/11/2024	87.945	2021-2024, tiếp đến năm 2025	Cập nhật thời gian thực hiện dự án	
9	Dự án xử lý các vị trí chân đê xung yếu trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh	222/TT-HĐND18 ngày 12/9/2017; 32/NQ-HĐND ngày 16/7/2021	110.000	2018-2022; Đến hết ngày 30/7/2023	Dự án xử lý các vị trí chân đê xung yếu trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh	222/TT-HĐND18 ngày 12/9/2017; 32/NQ-HĐND ngày 16/7/2021; 382/NQ-HĐND ngày 11/12/2024	107.773	Năm 2018-2022, tiếp đến năm 2025	Cập nhật TMDT, thời gian thực hiện dự án	

STT	Thông tin, số liệu của dự án tại Nghị quyết 86/NQ-HĐND; 124/NQ-HĐND; 134/NQ-HĐND; 154/NQ-HĐND; 223/NQ-HĐND; 314/NQ-HĐND; 327/NQ-HĐND; 345/NQ-HĐND				Thông tin, số liệu của dự án sau điều chỉnh				Nội dung điều chỉnh cập nhật	Ghi chú
	Tên dự án	Nghị quyết/Quyết định phê duyệt CTĐT		Thời gian thực hiện	Tên dự án	Nghị quyết/Quyết định phê duyệt CTĐT		Thời gian thực hiện		
		Số, ngày, tháng năm	TMDT			Số, ngày, tháng năm	TMDT			
10	Dự án đầu tư xây dựng đường nối từ đê tá Đuống (tại xã Minh Đạo) đi TL.287, huyện Tiên Du	201/NQ-HĐND ngày 11/07/2019; 91/NQ-HĐND ngày 08/12/2021	75.435	Năm 2021-2023 và tiếp đến 2023	Dự án đầu tư xây dựng đường nối từ đê tá Đuống (tại xã Minh Đạo) đi TL.287, huyện Tiên Du	201/NQ-HĐND ngày 11/07/2019; 91/NQ-HĐND ngày 08/12/2021; 546/QĐ-UBND ngày 11/10/2024	75.435	Năm 2021-2023 và tiếp đến 2025	Cập nhật thời gian thực hiện dự án	
11	Xử lý nước thải huyện Yên Phong	25/NQ-HĐND20 ngày 26/11/2021 của HĐND huyện Yên Phong	414.990	2022-2025	DTXD Hệ thống thu gom và xử lý nước thải huyện Yên Phong, tỉnh Bắc Ninh	25/NQ-HĐND20 ngày 26/11/2021 của HĐND huyện Yên Phong: 53NQ-HĐND ngày 13/01/2025	505.652	2021-2025, tiếp đến năm 2028	Cập nhật tên, TMDT, thời gian thực hiện dự án	
12	Cải tạo nâng cấp trạm bơm Hữu Chấp, thành phố Bắc Ninh	1337/QĐ-UBND ngày 27/10/2016; 97/NQ-HĐND ngày 08/12/2021	279.952	Đến 30/6/2023	Cải tạo nâng cấp trạm bơm Hữu Chấp, thành phố Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh	1337/QĐ-UBND ngày 27/10/2016; 97/NQ-HĐND ngày 08/12/2021; 383/NQ-HĐND ngày 11/12/2024	279.952	Đến 31/12/2025	Cập nhật thời gian thực hiện dự án	
13	Đường 276 kéo dài đi Cảnh Hưng	1341/QĐ-UBND ngày 27/10/2016; 791/QĐ-UBND ngày 28/6/2023	45.872	2016-2018, tiếp đến năm 2023	Đường 276 kéo dài đi Cảnh Hưng, huyện Tiên Du	1341/QĐ-UBND ngày 27/10/2016; 533/QĐ-UBND ngày 02/12/2022; 768/QĐ-UBND ngày 23/12/2024	48.711	Năm 2018-2020, tiếp đến năm 2025	Cập nhật tên, thời gian thực hiện dự án	
14	Dự án Hồ chứa nước phục vụ công tác phòng cháy, chữa cháy rừng tại khu vực Lỗ Sấu, phường Văn Dương, thành phố Bắc Ninh	1128/QĐ-UBND ngày 20/8/2020	29.252	2020-2022	Dự án Hồ chứa nước phục vụ công tác phòng cháy, chữa cháy rừng tại khu vực Lỗ Sấu, phường Văn Dương, thành phố Bắc Ninh	1128/QĐ-UBND ngày 20/8/2020; 698/QĐ-UBND ngày 04/12/2024	35.387	Chuẩn bị đầu tư năm 2020-2024; thực hiện dự án năm 2024-2025	Cập nhật TMDT, thời gian thực hiện dự án	

BẮC NINH